

Số: 2827/KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2015

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang
theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững,
giai đoạn 2015 - 2020, lĩnh vực chăn nuôi**

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Những kết quả đã đạt được

Những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, đầu tư từ các chương trình mục tiêu Quốc gia, sự hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở và sự nỗ lực, cố gắng của nông dân trong toàn tỉnh, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh đã phát triển khá, giá trị sản xuất Nông lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2006-2014 tăng trưởng bình quân 5,5%/năm. Cơ cấu kinh tế nông, lâm, thủy sản có chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp (tăng từ 30,8% năm 2005, lên 38,7% năm 2014). Giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2006-2014 tăng bình quân 8,8%/năm, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất quan trọng trong nông nghiệp.

Chăn nuôi đã từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, sử dụng các giống lai, giống ngoại, các giống siêu thịt, siêu trứng và thức ăn công nghiệp, bán công nghiệp. Đã có nhiều mô hình chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn từ 200 đến 400 con lợn nái ngoại và có từ 500-700 con lợn thịt/lứa, chăn nuôi gia cầm với quy mô từ 1.000 -3.000 con, thời gian luân chuyển đàn ngắn, do vậy sản lượng thịt hơi năm 2014 đạt trên 55 nghìn tấn (Sản lượng thịt hơi năm 2011: 46.390 tấn, năm 2012: 47.340 tấn, năm 2013: 52.730 tấn). Duy trì và phát triển đàn bò sữa với quy mô phù hợp, sản lượng sữa tươi năm 2014 đạt trên 12.300 tấn (gấp đôi năm 2005).

Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất và đã thu được nhiều kết quả khả quan; công tác khuyến nông, chuyển giao các mô hình và tiến bộ kỹ thuật cho người nông dân, đã phát huy tác dụng tích cực góp phần, tăng thu nhập và chuyển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường.

Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp đã tạo đà cho phát triển chăn nuôi (Nghị Quyết 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh), tạo ra một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung và xây dựng được mối liên kết Chuỗi giá trị cho một số sản phẩm chủ lực; việc chứng nhận nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm

chăn nuôi đã được quan tâm chú trọng, có một số mặt hàng chăn nuôi đã có ký kết các hợp đồng tiêu thụ (*Lợn giống của trang trại Sung Kiều - Sơn Dương, Tổ nhóm chăn nuôi gà xã Linh Phú, Trại phủ - huyện Chiêm Hóa*) các Hợp tác xã nông nghiệp được củng cố, kinh tế trang trại, gia trại cùng các loại hình dịch vụ ở nông thôn, đã hỗ trợ có hiệu quả cho người sản xuất (*một số hợp tác xã và Hiệp hội hàng hóa đã hoạt động hiệu quả như Hội trang trại Sơn Dương; HTX Nông lâm nghiệp Đại Phú, huyện Sơn Dương*). Năng lực trong sản xuất và kinh doanh của gia đình hộ nông dân được nâng lên, vì vậy đã làm tăng thu nhập, cải thiện được cuộc sống, góp phần đắc lực trong xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó môi trường kinh doanh nông nghiệp trong tỉnh (tiếp cận tín dụng, thuế quan) đã được cải thiện rõ rệt; hệ thống giao thông đường bộ tốt, kết nối Tuyên Quang với các thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng) và Trung Quốc đã tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển.

2. Khó khăn, hạn chế

Phát triển chăn nuôi của tỉnh đã có chuyển biến nhưng còn chậm; chất lượng con giống, hệ thống sản xuất và tiêu thụ con giống còn thiếu, nhất là các cơ sở nuôi giữ giống cấp ông bà để sản xuất giống cấp bố mẹ, chưa có đột phá về khâu giống.

Việc tổ chức triển khai, thực hiện Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2012-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 240/QĐ-UBND còn nhiều hạn chế, nhiều nội dung không có nguồn kinh phí để tổ chức thực hiện.

Chăn nuôi chủ yếu theo phương thức nhỏ lẻ, phân tán, năng suất và hiệu quả còn thấp, chăn nuôi trang trại hàng hoá quy mô tập trung còn ít (hiện có 139 trang trại chăn nuôi, trong đó chỉ có 30 trang trại có quy mô vừa và lớn và 62 trang trại tổng hợp kết hợp chăn nuôi). Quy mô trang trại của cá nhân còn nhỏ, có ít các tổ, nhóm hộ chăn nuôi có hàng hóa được kết nối với thị trường; việc liên doanh, liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất chăn nuôi còn hạn chế.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi còn nhiều hạn chế; công tác quản lý kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đã được quan tâm thực hiện, tuy nhiên việc giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện chủ yếu tại hộ gia đình, nên công tác kiểm soát giết mổ chưa được thực hiện triệt để, tận gốc (*Toàn tỉnh có 757 điểm giết mổ, trong đó có 02 cơ sở giết mổ tập trung tại Tân Hà và xã Đại Phú huyện Sơn Dương mới bước đầu đáp ứng yêu cầu điểm giết mổ tập trung*). Trong chăn nuôi việc cơ giới hóa về hệ thống chuồng trại, sản xuất, chế biến thức ăn còn nhiều hạn chế.

3. Nguyên nhân

- Khách quan: Do nguồn lực hạn chế; môi trường cạnh tranh trong sản xuất chăn nuôi hàng hóa ngày càng gay gắt, khó khăn về thị trường và diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường.

- Chủ quan:

+ Nhận thức và hành động của một số đơn vị, chính quyền cơ sở về vị trí và yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa thực sự đầy đủ, đồng đều, nhiều lúc, nhiều nơi chỉ đạo chưa quyết liệt; quy mô sản xuất chăn nuôi nhỏ. Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực chăn nuôi còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, đặc biệt là một số vật nuôi chủ lực.

+ Chất lượng kết cấu hạ tầng và dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn thấp, chưa đáp ứng cho sự phát triển của ngành chăn nuôi; công tác chuyên gia ứng dụng khoa học kỹ thuật, cải cách hành chính còn nhiều hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp còn thấp; giống và kỹ thuật chưa tốt đồng đều; chính sách vĩ mô còn nhiều bất cập (Nhiều quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức đưa ra quá cao, không thể áp dụng được trong thực tế sản xuất tại địa phương). Việc ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả, người chăn nuôi tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư vào các hoạt động sản xuất chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn.

II. CÁC CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Quyết định số 1389/QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững";

Quyết định số 985/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án "Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững";

Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020".

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn

2015-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, thời gian hoàn thành, dự kiến nguồn lực và phương thức tổ chức thực hiện, đảm bảo tính thống nhất, tạo sự đồng thuận của nhân dân nhằm phát triển chăn theo hướng sản xuất hàng hóa, kết hợp chiều rộng và chiều sâu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn vệ sinh thực phẩm; huy động các nguồn vốn đầu tư mở rộng sản xuất để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng để nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thực hiện trên các lĩnh vực và xác định rõ kết quả và thời gian hoàn thành; làm cơ sở để đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố; tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tranh thủ và phát huy có hiệu quả sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật từ các chương trình của các cơ quan Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở, đồng thời tham mưu thực hiện tốt các nội dung theo kế hoạch.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

- Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phân đầu đến năm 2020, tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 72,75 nghìn tấn (tăng 16,2 nghìn tấn so với năm 2014); giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi 2,9 nghìn tỷ đồng, sản phẩm chủ lực chiếm trên 90%, trong đó: Trâu chiếm 5,2%; bò chiếm 7,9% (bò sữa chiếm 6,2%); lợn chiếm 54,1%; gia cầm chiếm 27,2%. Quy hoạch diện tích trồng cây thức ăn gia súc đạt 4.000 ha.

- Duy trì tốc độ đàn trâu tăng 1,98%/năm, đàn bò tăng 5,06%/năm (trong đó đàn bò sữa tăng trên 12%/năm), đàn lợn tăng 6,2%/năm, đàn gia cầm tăng 6,7%/năm. Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn trâu đạt 119.520 con, sản lượng thịt 4.500 tấn; đàn bò đạt 24.650 con, sản lượng thịt đạt trên 1.200 tấn, sản lượng sữa tươi đạt 24.000 tấn; đàn lợn đạt 795.750 con, đàn gia cầm đạt 7,15 triệu con, sản lượng thịt gia cầm hơi toàn tỉnh đạt 14.900 tấn.

- Từng bước nâng cao chất lượng giống vật nuôi, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo môi trường chăn nuôi, an toàn sinh học, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh việc cơ giới hóa trong lĩnh vực chăn nuôi đặc biệt là vào các khâu giết mổ, chế biến sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Nhiệm vụ chung

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đề án Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi và quy hoạch phát triển chăn nuôi để có cơ sở cho việc tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển chăn nuôi, giai đoạn 2012-2020; tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp từ 38,7% lên 47% vào năm 2020. Tăng tỷ lệ vật nuôi được giết mổ tập trung, đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm soát giết mổ nhỏ lẻ, công tác kiểm dịch động vật.

- Tăng tỷ trọng về giá trị sản xuất chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại với quy mô vừa và lớn chiếm 40-50% vào năm 2020.

- Tập trung sản xuất, chọn lọc, lai tạo, sản xuất các giống vật nuôi có năng suất chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu sản xuất chăn nuôi của tỉnh; tăng cường công tác quản lý giống vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm), trên cơ sở các quy định của Nhà nước; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh động vật, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

- Chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng tăng đàn lợn và đàn gia cầm trên cơ sở khuyến khích, chuyển chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại. Tổ chức chăn nuôi nông hộ có kiểm soát, an toàn, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường, sử dụng quy trình, công nghệ mới trong xử lý chất thải chăn nuôi.

- Tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị ngành hàng trên cơ sở tạo lập các liên kết trong sản xuất như: Liên kết giữa cơ sở sản xuất giống với hộ nuôi thương phẩm; liên kết giữa hộ chăn nuôi với nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi; liên kết giữa hộ chăn nuôi với cơ sở giết mổ- chế biến; liên kết khép kín theo chuỗi giá trị từ sản xuất thức ăn chăn nuôi-trang trại chăn nuôi- giết mổ, chế biến- tiêu thụ.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trên cơ sở vận dụng hiệu quả, linh hoạt các cơ chế chính sách của Trung ương, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh, sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt, bảo vệ môi trường, xây dựng và củng cố thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể

2.2.1. Đối với vật nuôi chủ lực

a) Chăn nuôi trâu

- Tăng số lượng bằng cách thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa.

- Cải tạo nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn trâu hiện có theo 02 hướng: Bình tuyển, chọn lọc, nhân thuần và áp dụng thụ tinh nhân tạo trên cơ sở xây dựng Dự án khoa học công nghệ, lồng ghép các chương trình, dự án khuyến nông.

- Tổ chức sản xuất hàng hóa về trâu giống và trâu thương phẩm tại các huyện có điều kiện như Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh, sản xuất, chế biến, dự trữ thức ăn thô xanh, tổ chức liên doanh, liên kết để tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị mang tính bền vững.

b) Chăn nuôi bò:

- Khai thác tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương để tăng về số lượng một cách hợp lý, trong đó tập trung phát triển bò sữa tại 02 doanh nghiệp trên địa bàn 02 huyện Yên Sơn và Sơn Dương trên cơ sở liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân trong việc cung cấp thức ăn xanh cho bò sữa; phát triển bò thịt chủ yếu tại các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên.

- Thực hiện cải tạo nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn bò vàng địa phương theo 02 hướng: Nhập vào địa bàn bò đực giống dòng Zebu đảm bảo chất lượng và tổ chức thực hiện công tác thụ tinh nhân tạo với các giống bò thịt có năng suất chất lượng cao như bò BBB, bò Charolais (Pháp), bò Sumental (Thụy Sĩ), bò Limousin (Pháp), bò Hereford (Anh), bò Aberdin Angus (Anh, Mỹ)...

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh, sản xuất, chế biến, dự trữ thức ăn thô xanh, tổ chức liên doanh, liên kết để tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị mang tính bền vững.

c) Chăn nuôi lợn

- Tăng nhanh về số lượng và chất lượng đàn lợn theo 02 hướng:

+ Phát triển đàn lợn theo hướng nạc, phát triển đàn nái ngoại, đực ngoại và lợn nái lai F1 tại các huyện Sơn Dương, Yên Sơn và một số xã của huyện Hàm Yên theo hướng trang trại qui mô lớn, sử dụng thức ăn công nghiệp, ứng dụng nhanh các công nghệ chăn nuôi tiên tiến vào chăn nuôi.

+ Phát triển đàn lợn theo hướng đặc sản, lợn đen địa phương, lợn rừng lai tại các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Lâm Bình và một số xã của huyện Hàm Yên. Sử dụng thức ăn tự phối trộn từ các nguyên liệu sẵn có của địa phương để hạ giá thành.

- Xây dựng, củng cố các cơ sở sản xuất tinh lợn và nâng cấp mạng lưới cung ứng dịch vụ thụ tinh nhân tạo cho lợn nái.

- Áp dụng chăn nuôi theo biện pháp an toàn sinh học nhằm hạn chế dịch bệnh; tăng cường công tác thú y phòng chống dịch bệnh; đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y.

d) Chăn nuôi gia cầm

- Tăng về số lượng và chất lượng đàn gia cầm do có vòng quay chăn nuôi ngắn, khai thác thế mạnh vườn đồi để phát triển chăn nuôi gà thả vườn, phát triển chăn nuôi vịt Bầu thả suối tại các huyện Lâm Bình, Hàm Yên, Chiêm Hóa.

- Chú trọng nâng cao chất lượng con giống sản xuất ở nông hộ và trang trại; nhập các loại giống ngoại tiên tiến phù hợp với địa phương để chăn nuôi.

- Thực hiện chăn nuôi an toàn mang tính bền vững; xây dựng các Hợp tác xã chuyên ngành sản xuất gia cầm khép kín trên cơ sở gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp chế biến với sản xuất nguyên liệu và thị trường. Hợp tác xã tổ chức liên kết giữa các hộ để quy mô phát triển theo nhu cầu xã hội mang tính kế hoạch thị trường nhằm tránh rủi ro và liên kết với các doanh nghiệp để có đầu ra cho sản phẩm ổn định, tham gia vào chương trình bán lẻ gia cầm giá cao.

- Áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, áp dụng qui trình chăn nuôi tốt (VietGAHP, global GAP...), thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, sử dụng đệm lót sinh học, áp dụng một số kiểu chuồng nuôi tiên tiến nhằm tăng năng suất, dễ kiểm soát và kiểm soát dịch bệnh.

2.2.2. Đối với vật nuôi tiềm năng: Nuôi ong lấy mật

- Tăng nhanh đàn ong lấy mật nhằm khai thác lợi thế địa phương miền núi, đặc biệt là lượng mật keo dồi dào.

- Phát triển Hợp tác xã chăn nuôi ong Phong Thổ, Hiệp hội nuôi ong của tỉnh, đầu tư áp dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến, bảo quản, đặc biệt là trong thủy phân mật ong; xây dựng thương hiệu, mẫu mã, chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm để xuất khẩu.

3. Các giải pháp

3.1. Công tác tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó nhấn mạnh đến tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Khuyến nông, hội nghị và sinh hoạt chuyên đề đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân. Từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát sang phát triển sản xuất chăn nuôi theo hướng tập trung hàng hóa quy mô lớn, gắn với việc phát triển các vật nuôi chủ lực và vật nuôi theo hướng đặc sản, tạo thương hiệu, tổ chức lại sản xuất kết nối thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng các mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, VietGAHP; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất chăn nuôi; tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông, để mỗi người cán bộ khuyến nông thực sự là cầu nối giữa khoa học kỹ thuật và người chăn nuôi.

3.2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi; tăng cường quản lý giám sát, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch.

- Triển khai thực hiện tốt các Quy hoạch đã ban hành: Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2012-2020, quy hoạch Nông thôn mới; rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời những nội dung phù hợp vào quy hoạch để khi triển khai thực hiện ở địa phương sát với thực tế sản xuất chăn nuôi, phù hợp với định hướng phát triển cây, con chủ lực, gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch kinh tế - xã hội nhằm phát huy hết lợi thế của từng vùng, miền.

- Trong quá trình thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực cần có sự đánh giá, điều chỉnh lại một số quy hoạch về nông nghiệp (trồng trọt), lâm nghiệp (rừng trồng) ... để chuyển đổi những vùng đất sản xuất kém hiệu quả chuyển sang quy hoạch chăn nuôi tập trung nhằm nâng cao giá trị sử dụng đất.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu: Trồng ngô, sắn, ... đáp ứng nhu cầu cung ứng thức ăn cho chăn nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng nguồn nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi. Du nhập một số giống cây thức ăn năng suất, chất lượng cao, giống có ưu thế lai và áp dụng quy trình canh tác thâm canh để tăng thêm nguồn thức ăn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các quy hoạch chăn nuôi ở địa phương; cần có sự kết hợp hài hòa giữa quy hoạch của địa phương, quy hoạch ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng Trung tâm sản xuất giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang (phát triển đàn vật nuôi giống gốc).

3.3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ vào sản xuất, chế biến sản phẩm chăn nuôi

a) Đối với chăn nuôi thâm canh, trang trại tập trung: Nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm chính cho tiêu dùng trong tỉnh và xuất đi tiêu thụ tại các tỉnh, thành phố lớn, góp phần hạn chế thực phẩm nhập khẩu;

- Giống: Sử dụng các giống năng suất, chất lượng cao, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đồng nhất sản phẩm:

+ Đối với lợn: Sử dụng đực Duroc, Pietran, PiDu ... tạo con lai 3 máu hoặc 4 máu ngoại, tỷ lệ nạc trong thân thịt cao; chỉ sử dụng 1-2 công thức lai để đồng nhất sản phẩm. Sử dụng lợn nái ngoại cho vùng thấp như Sơn Dương, Yên Sơn; sử dụng các giống Móng Cái, lợn đen địa phương cho các huyện vùng cao.

+ Đối với giống trâu: Bình tuyển chọn lọc những cá thể trâu đực, trâu cái tốt để ghép đôi giao phối, sử dụng tinh trâu còng rạ (trâu nội hoặc trâu Murah) để cải tạo đàn trâu địa phương; đào tạo đội ngũ dẫn tinh viên, hỗ trợ các trang thiết bị phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo. Coi việc nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu là khâu đột phá trong sản xuất trâu hàng hóa.

+ Đối với bò: Sử dụng tinh của bò thịt cao sản (Charolaise, Droughtmaster, BBB...) tạo bò thịt chất lượng cao 3/4 máu ngoại bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; nhập vào địa bàn những bò đực tốt dòng Zebu để cải tạo nâng cao tầm vóc đàn bò địa phương thuộc các huyện vùng cao.

+ Đối với gia cầm: Tăng cường công tác chọn lọc, lai tạo đối với gia cầm, đặc biệt là các giống gia cầm mang tính đặc sản.

- Công nghệ nuôi: Ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới về chuồng trại như chuồng lạnh, chuồng kín ... tăng năng suất, giảm thiểu dịch bệnh. Đẩy mạnh việc thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt đối với lợn thịt, gà (VietGahp) nhằm đảm bảo năng suất chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thức ăn: Áp dụng công nghệ vi sinh (EM) trong thức ăn để tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Thú y: Ứng dụng các biện pháp quản lý, cảnh báo dịch bệnh; xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh hàng năm; khuyến khích xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh.

- Giết mổ, chế biến sản phẩm: Khuyến khích xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, hoặc giết mổ, chế biến gắn với chăn nuôi phù hợp với quy hoạch của địa phương; Xây dựng thương hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đối với chăn nuôi gia trại, nông hộ

- Sử dụng giống lai, giống địa phương có giá trị kinh tế cao tạo thương hiệu sản phẩm đặc trưng như bò lai Zêbu, gà địa phương thả vườn, vịt cỏ, vịt Minh Hương ...

- Công nghệ nuôi: Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, khép kín, cùng vào-cùng ra; áp dụng các yếu tố chăn nuôi công nghiệp vào chăn nuôi gia trại, nông hộ như chuồng lồng, chuồng sàn; máng ăn, máng uống tự động ...

- Thức ăn: Khuyến khích áp dụng kỹ thuật tự phối chế thức ăn theo công thức nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn (lúa, gạo, ngô, sắn ...). Áp dụng kỹ thuật bảo quản, chế biến nâng cao giá trị sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp làm thức ăn.

- Môi trường: Xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh, có hố ủ; sử dụng chế phẩm sinh học (EM) để xử lý chất thải, khử mùi hôi trong chuồng trại. Ứng dụng đệm lót sinh học với chăn nuôi lợn thịt, gà ...; sử dụng Biogas cho những hộ nuôi quy mô từ 10-30 con lợn.

- Thú y: Tăng cường hệ thống quản lý, giám sát, dự tính dự báo dịch bệnh; đề xuất cảnh báo và thực hiện các biện pháp khống chế dịch phù hợp; tiếp tục tập trung trong công tác phòng chống dịch bệnh theo quy định, tạo môi trường thuận lợi phát triển chăn nuôi; đẩy mạnh việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu thông sản phẩm chăn nuôi.

- Giết mổ, chế biến sản phẩm: Quản lý chặt chẽ các điểm giết mổ, cơ sở chế biến nhỏ, thủ công trong tuân thủ quy trình vệ sinh thú y, sơ chế, giết mổ, thiết bị chế biến hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm. Phấn đấu đến năm 2020, mỗi huyện, thành phố có ít nhất một cơ sở giết mổ tập trung theo đúng quy định.

c) Về cơ giới hóa trong các khâu chăn nuôi

- Chuồng trại, trang thiết bị: Đầu tư xây dựng hệ thống chuồng nuôi kín, chuồng lồng, chuồng sàn, hệ thống làm mát và sưởi ấm cho lợn con (điều tiết nhiệt bằng hệ thống điện trong chuồng nuôi); hệ thống máng ăn, vòi uống tự động.

- Thức ăn: Đẩy mạnh sử dụng máy chế biến thức ăn đa năng nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm chăn nuôi. Đầu tư trang thiết bị hiện đại như máy phối trộn thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR), dây chuyền sản xuất thức ăn (TMF) để sản xuất thức ăn cho bò thịt, bò sữa.

- Giết mổ, chế biến: Ứng dụng các dây chuyền, công nghệ giết mổ hiện đại, tiên tiến (Dây chuyền giết mổ gia cầm bán tự động công nghệ Thái Lan; dây chuyền giết mổ lợn của Công ty Vissan....) đảm bảo VSTY, vệ sinh ATTP.

3.4. Củng cố, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong chăn nuôi; mở rộng liên kết vùng và trong khu vực

- Duy trì và đẩy mạnh phát triển các hình thức liên kết trong sản xuất: Liên kết giữa người sản xuất chăn nuôi hình thành các Tổ hợp tác, HTX; liên kết giữa doanh nghiệp và các HTX, tổ hợp tác và các trang trại theo chuỗi giá trị; liên kết giữa các xã, huyện có điều kiện tương đồng về địa hình tự nhiên hình thành liên kết vùng để phát triển nhanh, bền vững, tạo ra khối lượng sản phẩm chăn nuôi hàng hóa lớn.

- Thành lập và phát triển các HTX kiểu mới dựa trên liên kết các tổ, nhóm sản xuất, tập trung khép kín các khâu từ sản xuất con giống, chăn nuôi đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đào tạo nghề cho lao động làm việc tại các trang trại, HTX, doanh nghiệp chăn nuôi.

- Tạo hành lang pháp lý để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, HTX đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gắn với bảo quản, chế biến sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng đối với sản phẩm chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất, trang trại, HTX đăng ký sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; đăng ký sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý sản phẩm gắn với công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và thực hiện kiểm soát thú y, vệ sinh an toàn chăn nuôi ngay từ cơ sở sản xuất;

- Tập trung thu hút liên kết tạo thành chuỗi sản phẩm khép kín để cung cấp thị trường an toàn vệ sinh thực phẩm cho thị trường Hà Nội.

a) Đối với chăn nuôi lợn

- Đối với chăn nuôi trang trại: Tiếp tục xây dựng, phát triển theo hướng tập trung, công nghiệp đúng quy hoạch đã phê duyệt; tăng số lượng và quy mô các trang trại liên kết với các doanh nghiệp như: DaBaCo, Sao Việt, Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam... theo chuỗi sản phẩm. Gắn kết các trang trại thành vùng chăn nuôi tập trung hàng hóa lớn, xây dựng chỉ dẫn địa lý, tạo thương hiệu sản phẩm để tăng giá trị, hướng đến xuất khẩu.

- Đối với chăn nuôi gia trại, nông hộ: Tổ chức phát triển theo hướng hình thành các HTX, tổ hợp tác chăn nuôi, cộng đồng làng xã chăn nuôi an toàn dịch bệnh, tạo ra sản phẩm lớn kết nối với việc giết mổ ở các cơ sở tập trung, hoặc liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

- Hình thành mối liên kết vùng sản xuất chăn nuôi lợn hàng hóa quy mô lớn tại các địa phương thuộc vùng phía nam của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm sản xuất giống vật nuôi tinh để phát triển và nuôi giữ đàn giống gốc (*giống cấp ông bà*) nhằm sản xuất con giống; đồng thời tổ chức thực hiện chuỗi giá trị phát triển chăn nuôi lợn, phát huy hoạt động các

tổ nhóm, tổ chức sản xuất con giống siêu nạc thương phẩm cung cấp cho nhu cầu chăn nuôi.

b) Đối với chăn nuôi trâu, bò

- Sản xuất trâu giống: Phát triển theo hình thức trang trại, gia trại, lựa chọn những vùng có lợi thế để phát triển đàn trâu, hỗ trợ tư vấn khuyến khích thành lập các tổ nhóm chăn nuôi trâu cái sinh sản, đưa trâu đực giống tốt để lai tạo đàn trâu, từng bước thực hiện công tác thụ tinh nhân tạo để sản xuất trâu giống, chất lượng tốt cung cấp cho nhu cầu chăn nuôi.

- Chăn nuôi trâu, bò thịt:

+ Phát triển theo hình thức gia trại, nông hộ nuôi nhốt, bán thâm canh, thâm canh; hình thành cộng đồng chăn nuôi trâu, bò thịt khép kín, phân khúc theo từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển nhằm tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa lớn, ổn định, xây dựng chỉ dẫn địa lý, kết nối thị trường tiêu thụ.

+ Hỗ trợ hình thành các HTX, tổ hợp tác chăn nuôi bò thịt khép kín theo chuỗi giá trị từ cung ứng con giống, quy trình kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm; thông qua hệ thống thương lái kết nối với thị trường lớn như Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh.

+ Hình thành mối liên kết vùng trong sản xuất: vùng trung du, miền núi và vùng đồng bằng.

- Chăn nuôi bò sữa: Phát triển theo hình thức chăn nuôi trang trại công nghiệp.

c) Đối với chăn nuôi gia cầm

- Chăn nuôi gia cầm trang trại

+ Tăng số lượng và quy mô trang trại chăn nuôi gà thịt công nghiệp liên kết với doanh nghiệp; hỗ trợ xây dựng các trang trại chăn nuôi gà thả vườn liên kết với các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

+ Phát triển các trang trại chăn nuôi vịt thịt, vịt trứng bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát tại các vùng lợi thế, với quy mô trên 2.000 con/trang trại.

- Chăn nuôi gia cầm gia trại: Khuyến khích phát triển gia trại chăn nuôi gà thả vườn đôi kết hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả; hình thành liên kết vùng chăn nuôi gà ở vùng đồi, tạo vùng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chỉ dẫn địa lý. Tạo mối liên kết trên cơ sở hình thành các tổ hợp tác, HTX chăn nuôi gia cầm; tập trung sản xuất để cung cấp cho thị trường nhất là tập trung cho các thành phố lớn trong và ngoài tỉnh.

3.5. Tăng cường cải cách thể chế, đổi mới và nâng cao hiệu quả các cơ chế, chính sách

a) Đối với các chính sách của Trung ương: Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có như:

- Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

- Nghị định số: 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất của các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn.

b) Cơ chế, chính sách của tỉnh: Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện tốt công tác rà soát để làm cơ sở cho việc tham mưu điều chỉnh, bổ sung các chính sách để phát triển chăn nuôi, trước mắt tập trung tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát để kịp thời tháo gỡ những khó khăn ngay tại cơ sở như:

- Nghị Quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại.

- Chính sách cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm biogas bằng vật liệu nhựa Composite theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Chính sách đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

3.6. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho sản xuất chăn nuôi

- Huy động các nguồn lực cho thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi chủ yếu là lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, vốn từ các chương trình dự án, vốn sự nghiệp khoa học, vốn từ nguồn ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân, vốn hợp pháp khác.

- Tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ trong nước và quốc tế qua các chương trình, dự án về nông nghiệp, nông thôn như: Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Dự án TNSP do IFAD tài trợ, Dự án VIE/035...nhằm thu hút nguồn lực vào lĩnh vực chăn nuôi.

3.7. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch sử dụng đất đai, khuyến khích dồn đổi, tích tụ ruộng đất để phát triển các vùng sản xuất chăn nuôi hàng hóa tập trung

- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định, rà soát, phân bổ quỹ đất sử dụng cho phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các chương trình, đề án, dự án sản xuất hàng hóa, phát triển các vùng chuyên canh, chế biến hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

- Ưu tiên chuyển đổi mục đích sử dụng đất để sản xuất hàng hóa đối với cây trồng, vật nuôi, ngành nghề lợi thế, hiệu quả, bền vững gắn với xây dựng

nông thôn mới; ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là trong khâu giết mổ, gắn với quy hoạch nông thôn mới.

- Khuyến khích các doanh nghiệp và người nông dân thực hiện việc góp vốn cổ phần, liên kết sản xuất bằng đất đai; dồn đổi, tích tụ ruộng, đất tạo vùng sản xuất chăn nuôi tập trung. Rà soát, điều chỉnh và tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển vật nuôi chủ lực, có lợi thế của tỉnh theo vùng quy hoạch.

3.8. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và quản lý chất lượng sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng.

- Cùng cố, xây dựng các Hiệp hội ngành hàng, khuyến khích các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đối với hình thức chăn nuôi liên kết; duy trì thị trường tiêu thụ truyền thống (nội tiêu); xúc tiến thương mại, thông qua hệ thống thương lái tìm kiếm, kết nối thị trường tiềm năng. Tập trung việc cung cấp thịt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho thị trường Hà Nội.

- Tổ chức hội thảo các tác nhân ngành hàng tại các huyện giữa các tổ nhóm, HTX dịch vụ chăn nuôi với các tác nhân thu gom, giết mổ trong và ngoài tỉnh để các bên cung cấp thông tin về quy mô, kế hoạch sản xuất, nhu cầu thu mua, yêu cầu của thị trường với từng loại gia súc và xây dựng mối quan hệ giữa các tác nhân. Đồng thời hỗ trợ tổ, nhóm hộ chăn nuôi, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh & chiến lược tiếp cận thị trường.

a) Đối với tiêu thụ lợn

- Tổ chức lại hộ thương lái, hộ thu gom lớn theo hướng hình thành HTX, Tổ hợp tác để bao tiêu sản phẩm cho các trang trại chăn nuôi tự chủ, gia trại và nông hộ, kết nối với thị trường các thành phố lớn.

- Duy trì thị trường tiêu thụ truyền thống (nội tỉnh) như chợ, nhà hàng ...; nâng cấp xây dựng lại các cơ sở giết mổ tập trung, tổ chức lại các điểm giết mổ hợp lý, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm sau giết mổ.

- Tìm hiểu nhu cầu về sản phẩm thịt lợn ở các thị trường lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Trung Quốc ...; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa tỉnh Tuyên Quang với các thành phố lớn.

b) Đối với tiêu thụ trâu, bò

- Rà soát, lập danh sách các thương lái đang hoạt động thu mua, bao tiêu sản phẩm trâu, bò thịt; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ nhằm phát triển thành hệ thống, làm đầu mối đáng tin cậy thu mua, tiêu thụ sản phẩm, kết nối với thị trường lớn.

- Đối với thị trường tiêu thụ nội tỉnh: Tăng cường thanh, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở, điểm giết mổ; hạn chế giết mổ nhỏ lẻ trong nông hộ.

- Tìm hiểu nhu cầu thị trường tiêu dùng trong và ngoài tỉnh đối với sản phẩm trâu, bò thịt, sử dụng công thức lai trâu, bò thịt chất lượng phù hợp, tăng nhu cầu tiêu thụ, tạo ra sản phẩm đặc trưng.

- Liên kết với các nhà hàng trong và ngoài tỉnh để cung cấp sản phẩm phục vụ việc chế biến các món ăn đặc sản từ thịt trâu.

c) Đối với tiêu thụ gia cầm

- Xây dựng và phát triển thương hiệu vịt bầu Minh Hương, vịt Bầu Tuyên Quang.
- Tạo điều kiện khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, phát triển và bao tiêu sản phẩm chăn nuôi gà trang trại thả vườn đồi liên kết.
- Xây dựng các chuỗi khép kín sản xuất các sản phẩm thịt, trứng gia cầm có tiêu chuẩn phù hợp với thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.
- Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký thương hiệu sản phẩm gà thả vườn đồi, tạo ra địa chỉ tin cậy đối với người tiêu dùng.
- Quy hoạch các điểm giết mổ, khu vực bán thịt, trứng gia cầm tại các chợ truyền thống, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe người tiêu dùng.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ các hộ thu gom, hộ thương lái lớn thu mua gà gia trại thả vườn đồi, để kết nối với thị trường ngoại tỉnh, bước đầu tạo động lực cho thương hiệu gà Tuyên Quang ngày càng phát triển.
- Liên kết với các nhà hàng trong và ngoài tỉnh để chế biến các món ăn đặc sản vịt bầu Minh Hương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chỉ cục Chăn nuôi, thú y

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này.
- Tăng cường tham mưu trong công tác giống, kỹ thuật chăm sóc, kiểm soát dịch bệnh; xây dựng các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.
- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thuộc lĩnh vực chăn nuôi khi cần thiết. Tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện.

2. Chỉ cục Phát triển nông thôn

Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch sản xuất hàng hóa trên địa bàn toàn tỉnh đối với những vật nuôi, ngành nghề truyền thống có lợi thế, giá trị kinh tế có sức cạnh tranh cao và đáp ứng yêu cầu thị trường.

Hướng dẫn các huyện, trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu đăng ký nhãn hiệu hàng hóa chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm chăn nuôi đặc trưng, đẩy mạnh việc đưa hàng hóa lên sàn giao dịch.

Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, thu hút liên kết hợp tác xã sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị.

3. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn các nội dung theo kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững,

trong đó nhấn mạnh đến tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến toàn thể cán bộ đơn vị;

- Hướng dẫn người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất cho vật nuôi, xây dựng các mô hình phát triển chăn nuôi, các sản phẩm chủ lực, tổng kết nhân rộng.

- Bố trí cán bộ trực tiếp tham gia xây dựng, tổ chức lại sản xuất ở các xã.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Triển khai xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi là lợi thế của địa phương, có khả năng cạnh tranh và phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành. Tăng cường phối kết hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất; có cơ chế hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương gắn kết với các chương trình, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kịp thời và hiệu quả.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn: Phòng Tài chính, Kế hoạch, Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên & Môi trường, Khuyến nông... tổ chức tuyên truyền thực hiện nội dung kế hoạch tái cơ cấu, các chương trình Nghị quyết, đến toàn thể các hộ dân để người dân nắm được và tham gia thực hiện.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, thành lập các nhóm chung sở thích, tổ hợp tác trong lĩnh vực chăn nuôi; lựa chọn vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương và nhu cầu của thị trường.

- Tuyên truyền, vận động, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào chăn nuôi, giết mổ, hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi, giao, thuê đất để phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ và trồng cây thức ăn cho gia súc.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp, chế độ thông tin báo cáo; đề xuất các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung trong kế hoạch cho phù hợp với thực tế; thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng để thúc đẩy phong trào lao động sản xuất.

5. Các Doanh nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi

Thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của nhà nước và nội dung Tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020. Đẩy mạnh liên kết, liên doanh trong sản xuất từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Chế độ thông tin báo cáo

- Đề nghị UBND các huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm kết quả thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi về sở Nông

ng nghiệp và PTNT (qua Chi cục Chăn nuôi, thú y) để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

- Giao cho Chi cục Chăn nuôi, thú y theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, tổng hợp kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận: *Phạm*

- Cục Chăn nuôi
- Cục Thú y
- UBND tỉnh
- Giám đốc
- Các thành viên Ban chỉ đạo Đề án TCC
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc sở;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng kinh tế thành phố;
- Trang thông tin điện tử
- Các phó Giám đốc sở;
- Lưu VT, CN.

(Báo cáo);

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Mạnh Cường

BIỂU DỰ TÍNH GIÁ TRỊ TĂNG THÊM MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH TẠI NĂM 2020 KHI THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU CHĂN NUÔI

Kèm theo Kế hoạch số 2827 /CN-KH ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM CHỦ YẾU	ĐVT	CHI PHÍ SẢN XUẤT	TỔNG DOANH THU	GIÁ TRỊ TĂNG THÊM	Năm 2014		Năm 2020		
						SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ TĂNG THÊM	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ TĂNG THÊM	GIÁ TRỊ TĂNG THÊM SO VỚI NĂM 2014
	SẢN PHẨM HÀNG HÓA CHỦ LỰC									
I	Chăn nuôi gia súc gia cầm					89.698,1	192.702,0	114.812,2	242.810,5	50.108,5
a	Tổng đàn gia súc, gia cầm					33.133,6	76.707,7	42.062,2	95.143,6	18.435,9
	Đàn Trâu	Tấn	96,8	100,0	3,2	10.833,5	34.667	11.952,0	38.246	3.579,2
	Đàn Bò	Tấn	98,4	100,0	1,6	963,0	1.541	1.232,5	1.972	431,2
	Đàn Lợn	Tấn	55,3	57,0	1,7	17.710,4	30.108	23.872,7	40.584	10.475,9
	Đàn Gia cầm	Tấn	87,13	90,0	2,9	3.626,7	10.392	5.005,1	14.342	3.949,6
b	Thịt hơi các loại	Tấn				56.565	115.994	72.750	147.667	31.673
	Trâu	Tấn	96,8	100,0	3,2	4.424,0	14.157	4.500,0	14.400	243,2
	Bò	Tấn	98,4	100,0	1,6	1.135,0	1.816	1.230,0	1.968	152,0
	Lợn	Tấn	55,3	57,0	1,7	39.583,0	67.291	52.120,0	88.604	21.312,9
	gia cầm	Tấn	87,1	90,0	2,9	11.422,5	32.730	14.900,0	42.695	9.964,5
	SẢN PHẨM HÀNG HÓA TIỀM NĂNG									
II	Đàn ong	Đàn	2,48	3,0	0,52	13.000,0	6.728	18.000,0	9.315	2.588

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI

Kèm theo Kế hoạch số 2827 /CN-KH ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên dự án	Mục đích đầu tư	Quy mô địa điểm đầu tư	Nội dung chủ yếu	Khái toán vốn đầu tư (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện
					Tổng các nguồn vốn	Trong đó Ngân sách nhà nước	
1	Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu trên địa bàn tỉnh	Tạo ra đàn trâu giống chất lượng cao, cung cấp cho các vùng trong và ngoài tỉnh	Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên (600 liều tinh trâu)	Chọn lọc trâu cái nền đủ TC; tập huấn kỹ thuật; đào tạo dẫn tinh viên; theo dõi đánh giá	23,24	1,557	2016-2018
2	Dự án cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lai tạo giống bò BBB trên nền bò lai Sind tạo con lai F1(BBBx Lai sind) hướng thịt	Lai tạo được đàn bò hướng thịt chất lượng cao, nhằm cải tạo chất lượng đàn bò địa phương	Yên Sơn, Sơn Dương (chọn 1000 bò cái nền, nhập khẩu 7.500 liều tinh)	Chọn lọc 1000 bò cái nền đủ TC; tập huấn kỹ thuật; đào tạo dẫn tinh viên; Quảng bá thương hiệu thịt bò chất lượng cao; theo dõi đánh giá	36,112	4,496	2016-2018
3	Xây dựng trung tâm sản xuất giống vật nuôi tỉnh Tuyên Quang (nuôi giữ phát triển đàn giống ông bà đối với lợn và gia cầm)	cung ứng dịch vụ giống vật nuôi, cung cấp con giống đảm bảo chất lượng tại chỗ	Xã Phúc ứng huyện Sơn Dương Tuyên Quang	Xây dựng nhà điều hành, khu cách ly, chuồng trại, nhà kho, khu xử lý chất thải, lắp các thiết bị chăn nuôi, ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi	52,85	52,85	2016-2018
4	Dự án xây dựng và phát triển vùng chăn nuôi lợn đặc sản	Tạo được vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa mang tính đặc trưng	các huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình và Na Hang. (12.000 con)	Chọn lọc lợn nái địa phương, lợn đực giống; tập huấn kỹ thuật; theo dõi đánh giá	7,500	1,650	2016-2017
Tổng					119,70	60,55	

KẾ HOẠCH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CHĂN NUÔI VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CHĂN NUÔI TẬP TRUNG THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN 2015-2020

Kèm theo Kế hoạch số 2827/CN-KH ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Danh mục	ĐTV	Thực hiện 2014		Ước thực hiện 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020								Dự kiến kết quả đạt được năm 2020	
			Số lượng	Giá trị sản xuất	Số lượng	Giá trị sản xuất	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Số lượng	Giá trị
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
I Tốc độ tăng đàn gia súc																
1	Đàn trâu	Con	106.646	528.211	108.335		110.515		112.550		114.738		117.067		119.520	
	Tốc độ tăng đàn%						2,01		1,84		1,94		2,03		2,10	
	Trong đó: quy mô Trang trại, gia trại (tính từ 10 con trở lên)		500		800		880		968		1.065		1.597		1.757	
2	Đàn bò	Con	19.343	52.587	19.835		20.530		21.238		22.316		23.445		24.650	
	Tốc độ tăng đàn %						3,50		3,45		5,08		5,06		5,14	
	Trong đó: quy mô Trang trại, gia trại (tính từ 10 con trở lên)		400		600		900		1.350		2.025		3.038		4.556	
3	Đàn lợn	Con	527.260	685.637	590.345		625.685		664.345		705.244		748.760		795.755	
	Tốc độ tăng đàn%						5,99		6,18		6,16		6,17		6,28	
	Trong đó: quy mô Trang trại, gia trại (lợn thịt từ 50 con trở lên)	Con	60.000		75.000		80.000		150.000		200.000		250.000		300.000	
4	Đàn gia cầm	triệu con	4.851	236.938	5.181,0		5.513		5.890		6.281		6.699		7.150	
	Tốc độ tăng đàn%						6,41		6,83		6,64		6,66		6,73	
	Trong đó: quy mô Trang trại, gia trại (tính từ 100 con trở lên)	1000 con	20.000		35.000		50.000		80.000		100.000		150.000		180.000	
II Sản lượng thịt hơi			56.565		55.500		57.550		60.640		65.491		69.421		72.750	
	Trong đó gia trại, trang trại		9.007		10.657		11.415		18.086		23.014		28.116		33.268	
	Tỷ trọng		15,9		19,2		19,8		29,8		35,1		40,5		45,7	

ST	Danh mục	ĐTV	Thực hiện 2014		Ước thực hiện 2015		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020								Dự kiến kết quả đạt được năm 2020	
			Cả huyện	Giá trị sản	Cả huyện	Giá trị	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Cả huyện	Giá trị
1	Trâu	tấn	4.424,0	219.118	4425		4.450		4.463		4.470		4.490		4.500	
	Trong đó gia trại, trang trại	Tấn	135		160		176		194		213		319		351	
	Tỷ trọng	%	0,03				0,04		0,04		0,05		0,07		0,08	
2	Bò	tấn	1.135,0	61.714	1.130		1.150		1.182		1.190		1.200		1.230	
	Trong đó gia trại, trang trại	Tấn	76		120		180		270		405		608		911	
	Tỷ trọng	%	0,07		0,11		0,16		0,23		0,34		0,51		0,74	
3	Lợn	tấn	39.583,0		38.545		40.400		42.195		46.331		49.231		52.120	
	Trong đó gia trại, trang trại	Tấn	5.400		6.750		7.200		13.500		18.000		22.500		27.000	
	Tỷ trọng	%	13,6		17,5		17,8		32,0		38,9		45,7		51,8	
4	Gia cầm	tấn	11.422,5		11.400		11.550		12.800		13.500		14.500		14.900	
	Trong đó gia trại, trang trại	Tấn	3.395,7		3.626,7		3.859,1		4.122,8		4.396,4		4.689,3		5.005,0	
	Tỷ trọng	%	29,7		31,8		33,4		32,2		32,6		32,3		33,6	

KẾ HOẠCH TÁI CƠ CẤU MỘT SỐ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kèm theo Kế hoạch số 2827/CN-KH ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Danh mục	ĐTV	Ước hực hiện năm 2015	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020				
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Tổng đàn gia súc, gia cầm							
1	Đàn trâu	Con	108.335	110.515	112.550	114.738	117.067	119.520
	Na Hang	Con	15.245	15.540	15.813	16.161	16.485	17.000
	Lâm Bình	Con	8.291	8.460	8.949	9.146	9.367	9.560
	Chiêm Hoá	Con	28.100	28.650	29.529	30.150	30.894	31.520
	Hàm Yên	Con	15.900	16.115	16.590	16.878	17.169	17.500
	Yên Sơn	Con	18.000	18.500	18.892	19.259	19.632	20.000
	Sơn Dương	Con	20.476	20.880	20.556	20.897	21.244	21.640
	TP TQ	Con	2.323	2.370	2.219	2.247	2.275	2.300
2	Đàn bò	Con	19.835	20.530	21.238	22.316	23.445	24.650
	Na Hang	Con	2.647	2.700	2.777	2.880	2.986	3.080
	Lâm Bình	Con	1.367	1.400	1.575	1.630	1.687	1.730
	Chiêm Hoá	Con	814	850	788	815	844	870
	Hàm Yên	Con	1.387	1.450	1.296	1.342	1.389	1.420
	Yên Sơn	Con	5.575	6.000	6.328	6.645	6.977	7.500
	Trong đó: bò sữa	Con	2.003	2.121	2.142	2.164	2.185	2.207
	Sơn Dương	Con	7.220	7.300	7.781	8.294	8.833	9.300
	Trong đó: bò sữa	Con	940	1.035	1.071	1.109	1.153	1.200
	+ TP TQ	Con	825	830	693	710	729	750
3	Đàn lợn	Con	590.345	625.685	664.345	705.244	748.760	795.755
	Na Hang	Con	38.720	41.100	42.843	45.067	47.406	49.000
	Lâm Bình	Con	30.550	32.400	33.694	35.386	37.162	39.000
	Chiêm Hoá	Con	120.375	128.000	135.279	143.409	152.028	161.000

STT	Danh mục	ĐTV	Ước hực hiện năm 2015	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020				
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Hàm Yên	Con	94.400	98.790	103.383	108.191	113.222	120.000
	Yên Sơn	Con	128.400	137.195	146.593	156.635	167.364	179.000
	Sơn Dương	Con	154.470	163.700	177.846	191.184	205.523	221.000
	TP TQ	Con	23.430	24.500	24.707	25.372	26.055	26.755
4	Đàn gia cầm	Con	5.181,0	5.513	5.890	6.281	6.699	7.150
	Na Hang	Con	203,0	215	224	235	247	260
	Lâm Bình	Con	95,0	100	112	117	124	129
	Chiêm Hoá	Con	1090,0	1.160	1.221	1.292	1.367	1.447
	Hàm Yên	Con	850,0	903	957	1.015	1.077	1.145
	Yên Sơn	Con	1493,0	1.600	1.560	1.677	1.803	1.938
	Sơn Dương	Con	1220,0	1.300	1.568	1.688	1.816	1.954
	TP TQ	Con	230,0	235	247	256	265	277
II	Sản phẩm chăn nuôi							
1	Sản lượng sữa	Tấn	12.800	14.000	16.000	18.000	21.000	24.000
	Yên Sơn	Tấn	8.300	8.500	8.500	9.000	9.500	9.500
	Sơn Dương	Tấn	4.500	5.500	7.500	9.000	11.500	14.500
2	Sản lượng thịt hơi	Tấn	55.500	57.550	60.640	65.491	69.421	72.750
	Na Hang	Tấn	2.700	2.860	3.003	3.243	3.438	3.604
	Lâm Bình	Tấn	1.600	1.690	1.775	1.917	2.032	2.130
	Chiêm Hoá	Tấn	11.608	13.000	13.650	14.742	15.627	16.387
	Hàm Yên	Tấn	11.171	11.500	12.075	13.041	13.824	14.495
	Yên Sơn	Tấn	9.201	9.200	9.660	10.433	11.059	11.565
	Sơn Dương	Tấn	16.003	16.000	16.802	18.146	19.235	20.159
	TP TQ	Tấn	3.217	3.300	3.675	3.969	4.206	4.410

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CHĂN NUÔI TỈNH TUYỀN QUANG

Kèm theo Kế hoạch số 2827/CN-KH ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Lộ trình thực hiện
1	Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ				
-	Cải tạo nâng cao tầm vóc đàn trâu, đàn bò; Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò trên địa bàn tỉnh	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở sản xuất giống.	2016-2018
-	Ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới về chuồng trại, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, bền vững bảo vệ môi trường, thực hành chăn nuôi tốt đối với lợn thịt, gà (VietGAP).	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi	2016-2020
-	Ứng dụng các quy trình xử lý chất thải chăn nuôi	Trung Tâm nước sạch vệ sinh môi trường, TT khuyến nông	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi	2016-2020
2	Tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chăn nuôi				
-	Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung; quy hoạch bãi chăn thả gia súc; quy hoạch diện tích trồng cây thức ăn cho gia súc	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	TT khuyến nông, phòng Trồng trọt, TC-KH	2016-2017
-	Quy hoạch xây dựng điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở sản xuất giống.	2016-2017
3	Nâng cao năng suất, chất lượng giống gia súc, gia cầm				
-	Xây dựng và củng cố các cơ sở sản xuất giống gia súc, gia cầm (sản xuất tinh lợn đực giống..)	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở sản xuất giống.	2016-2018

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Lộ trình thực hiện
-	Xây dựng các mô hình sản xuất giống lợn siêu nạc, lợn đặc sản (lồng ghép các chương trình Dự án, khoa học...)	Chi cục chăn nuôi thú y	Trung tâm khuyến nông; UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở sản xuất giống.	
-	Thực hiện bình tuyển, giám định chất lượng giống trâu, bò.	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố	Hàng năm
-	Thực hiện quản lý giống vật nuôi công bố tiêu chuẩn cơ sở cho tất cả các cơ sở tham gia nuôi giữ, sản xuất, kinh doanh và cung ứng giống trên phạm vi toàn tỉnh theo Pháp lệnh Giống vật nuôi và quy định hiện hành.	Chi cục chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở sản xuất giống.	Thường xuyên
4	Củng cố đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất				
-	Đẩy mạnh phát triển các hình thức liên kết trong sản xuất: Liên kết giữa người sản xuất hình thành các HTX và tổ hợp tác; liên kết giữa doanh nghiệp và các HTX, tổ hợp tác và các trang trại theo chuỗi giá trị;	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi.	Thường xuyên
-	Đào tạo nghề cho lao động làm việc tại các trang trại, HTX, doanh nghiệp chăn nuôi	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi.	Thường xuyên
-	Khuyến khích các cơ sở sản xuất, trang trại, HTX đăng ký sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; đăng ký sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;	Chi cục Chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi.	Thường xuyên
5	Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi				
-	Hỗ trợ thành lập hội ngành hàng, hiệp hội trang trại chăn nuôi và hợp tác xã vừa sản xuất vừa gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Chi cục phát triển nông thôn, phòng Chi cục Chăn nuôi thú y, Chi cục QLCL, TTKNông	Hàng năm
-	Xây dựng mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thuộc các doanh nghiệp, HTX, cơ sở chăn nuôi và các điểm buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, các siêu thị trong và ngoài tỉnh	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Chi cục phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi thú y, Chi cục QLCL, TTKNông	2016-2020
-	Xây dựng và phát triển thương hiệu vật bầu thả suối; gà đồi Tuyên Quang; trâu ngổ Chiêm Hóa.	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Chi cục Chăn nuôi thú y	Năm 2015-2016

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Lộ trình thực hiện
6	Tăng cường cải cách thể chế, đổi mới nâng cao hiệu quả các cơ chế chính sách				
-	Tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, kinh tế trang trại (NQ10, NQ12..)	Chi cục PTNT	UBND các huyện thành phố	Chi cục phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi thú y, TTKNông	Theo quy định của chính sách
7	Công tác thú y				
-	Tiêm phòng bệnh và vệ sinh thú y	Chi cục Chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi	Hàng tháng
-	Kiểm dịch, kiểm soát xuất nhập gia súc, gia cầm và các sản phẩm chăn nuôi	Chi cục Chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi	Hàng tháng
-	Quản lý công tác giết mổ, vận chuyển, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm	Chi cục Chăn nuôi thú y	UBND các huyện thành phố	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi	Hàng tháng